

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Tên ngành: Thiết kế đồ họa

Mã số: 7210403

Trình độ đào tạo: Đại học

Kính gửi:

- Ban giám hiệu
- Hội đồng khoa học và đào tạo.

1. Giới thiệu khái quát về Trường

Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội (sau đây gọi tắt là Trường) được thành lập năm 1967, tiền thân là trường đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ may mặc thuộc Bộ Nội thương và được nâng cấp thành trường đại học vào năm 2015.

Mục tiêu chính của Trường: Đa dạng hóa các ngành nghề đào tạo, tạo điều kiện học tập suốt đời cho người học, trong lĩnh vực công nghiệp, đặc biệt là Dệt May; Đổi mới đào tạo theo nhu cầu xã hội, tăng cường gắn kết giữa đào tạo với sử dụng lao động, gắn đào tạo với thực tế sản xuất, công nghệ; Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, tư vấn và chuyển giao công nghệ mang tính ứng dụng cao cho ngành dệt may và các ngành kinh tế khác; Đẩy mạnh hợp tác quốc tế nhằm tạo cơ hội cho giảng viên, sinh viên được tiếp cận với các chuẩn mực của thế giới trong đào tạo, nghiên cứu khoa học; Tổ chức sản xuất theo chuẩn quốc tế, tạo môi trường nghiên cứu, thử nghiệm, thực hành, thực tập chuyên nghiệp cho người học; Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, tổ chức sản xuất phục vụ cộng đồng; hiện đại hóa cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học theo định hướng ứng dụng.

Trường luôn chú trọng đến đào tạo đội ngũ giảng viên và xây dựng cơ sở vật chất nhằm thực hiện tốt mục tiêu đào tạo theo định hướng ứng dụng. 100% giảng viên cơ hữu có trình độ sau đại học. Phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, thực tập, phòng thư viện, nhà thể chất đa năng, giảng đường lớn, phòng tin học, phòng học ngoại ngữ,... được trang bị hiện đại, đầy đủ tiện nghi đáp ứng yêu cầu và quy mô đào tạo. Hiện tại, Trường đã và đang thực hiện đào tạo 09 ngành ở trình độ đại học gồm: Công nghệ may; Công nghệ sợi, dệt; Quản lý công nghiệp; Thiết kế thời trang; Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Marketing; Kế toán; Thương mại điện tử. Trường có tổng số gần 5000 sinh viên hiện đang theo học ở cả hai trình độ Đại học và Cao đẳng.

Trường tuyển sinh trình độ đại học từ năm 2016, đến nay trường đã và đang đào tạo 8 khóa sinh viên trình độ đại học với tổng số 3402 sinh viên đang học. Tính đến năm 2023, Trường đã có 4 khóa sinh viên đại học tốt nghiệp, cụ thể như sau:

Bảng 1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp trình độ đại học

Ngành Năm	Công nghệ may	Thiết kế thời trang	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Công nghệ sợi dệt	Quản lý công nghiệp	Marketing	Tổng
	2020	291				42	75	
2021	636	51	8		5	39		739
2022	737	69	17	11	11	57	14	916
2023	697	77	17	14	5	70	12	892
Tổng	2361	197	42	25	63	241	26	2955

Bảng 2. Kết quả tốt nghiệp của sinh viên trình độ đại học

Năm	Giỏi		Khá		Trung bình khá		Trung bình	
	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
2020	5	1.2%	189	46.3%	211	51.7%	3	0.7%
2021	2	0.3%	274	37.1%	449	60.8%	14	1.9%
2022	7	0.8%	309	33.7%	587	64.1%	13	1.4%
2023	5	0.6%	281	31.5%	583	65.4%	23	2.6%
Tổng	19	0.6%	1053	35.6%	1830	61.9%	53	1.8%

Với định hướng đào tạo ứng dụng, việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) gắn liền với thực tiễn phục vụ công tác giảng dạy, giải quyết các nhu cầu của doanh nghiệp dệt may luôn là mục tiêu trọng điểm mà Trường đã, đang và sẽ tiếp tục nỗ lực để thực hiện. Trong giai đoạn 2019-2023 vừa qua, hoạt động KH&CN của Trường đã đạt được một số thành tựu như hoàn thành 02 nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia với kết quả được chuyển giao cho các đơn vị, tổ chức bao gồm trường đào tạo, viện nghiên cứu và doanh nghiệp dệt may; 04 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ Công Thương; 07 đề tài nghiên cứu khoa học (NCKH) cấp Tập đoàn Dệt May Việt Nam; 57 đề tài NCKH cấp Trường. Thêm vào đó, Nhà trường đã đầu tư thành công 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia, 01 đề án Công nghiệp hỗ trợ, Bộ Công Thương thực hiện từ năm 2024; tiếp tục triển khai nghiên cứu 01 đề tài NCKH cấp Bộ Công Thương giao thực hiện từ năm 2023 và 01 đề tài NCKH cấp Tập đoàn Dệt May Việt Nam giao thực hiện từ năm 2022. Ngoài việc thực hiện các đề tài, nhiệm vụ KH&CN, cán bộ giảng viên của Trường đã công bố 203 công trình khoa học trên các tạp chí, hội thảo khoa học trong và ngoài nước trong đó có 22 bài báo được công bố trên tạp chí khoa học thuộc danh mục

ISI/Scopus, 15 bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế và 10 công bố tại các hội thảo quốc tế. Không những vậy, Trường đã biên soạn và xuất bản 20 cuốn giáo trình phục vụ học tập; viết 15 sáng kiến kinh nghiệm; tổ chức thành công 01 hội thảo khoa học quốc tế, 06 hội nghị, hội thảo khoa học cấp quốc gia và 30 hội thảo cấp trường/đơn vị để trao đổi và chia sẻ các chủ đề chuyên môn; chú trọng đẩy mạnh hoạt động hướng dẫn sinh viên NCKH, với gần 100 đề tài và các dự án khởi nghiệp sinh viên; tăng cường hợp tác với doanh nghiệp và các đối tác trong và ngoài nước về tăng cường chất lượng hoạt động NCKH.

Trong những năm gần đây, Trường cũng đã chú trọng thúc đẩy các hoạt động hợp tác quốc tế nói riêng và hoạt động đối ngoại nói chung; tăng cường đẩy mạnh hợp tác quốc tế về đào tạo và NCKH với các đối tác trong và ngoài nước để nâng cao chất lượng đào tạo cũng như uy tín của Nhà trường. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường đã ký kết thỏa thuận với 10 đối tác quốc tế và triển khai thành công nhiều nội dung hợp tác khác. Hợp tác với Viện quản lý khoa học quốc tế Kolkata - Ấn Độ tổ chức thành công Hội thảo khoa học quốc tế IIMS lần thứ 9 tại Trường, lần thứ 10 tại Lào, lần thứ 11 tại Srilanka. Hợp tác với trường Khoa học Kỹ thuật Song Hi Tuyền Châu, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc trong việc cử sinh viên sang học tập tại Trung Quốc, hợp tác trong thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ, Quốc Gia và trao tặng các thiết bị lắp đặt phòng học thông minh tại Trường. Hợp tác với Trường Đào tạo các ngành Công nghiệp Thủy Sản thực hiện thành công 03 đợt trao đổi giảng viên sang thực tế tại trung tâm Sản xuất – Dịch vụ và trao đổi kiến thức tại Trường. Hợp tác với Tập đoàn Rieter của Thủy Sản trong đào tạo và trao tặng Nhà trường máy sợi phục vụ học tập. Nhà trường đã cử 04 sinh viên đại học ngành Công nghệ may tham gia chương trình Internship tại Nhật Bản.

Nhà trường có tổng diện tích gần 6 ha, được chia thành 3 khu A, B và C với đầy đủ Hội trường, giảng đường, thư viện và các công trình phụ trợ phục vụ công tác đào tạo đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập của các học phần trong các chương trình đào tạo (CTĐT) nói chung và CTĐT ngành Thiết kế đồ họa (TKĐH) nói riêng. Cụ thể: 1 hội trường 500 chỗ; 01 phòng hội thảo 200 chỗ; 07 phòng học lớn; 101 phòng học lý thuyết; 122 phòng thực hành, thí nghiệm.

Hệ thống thư viện của trường có diện tích 775m², trong đó bao gồm: 04 phòng đọc; 02 phòng thư viện điện tử với 111 máy tính tại thư viện điện tử kết nối với 87 đơn vị ngoài trường, phục vụ cho khoảng 32.000 lượt tra cứu bình quân hàng tháng. Thư viện có các trang thiết bị phục vụ cho việc mượn và tra cứu tài liệu; có đủ nguồn thông tin tư liệu: sách, giáo trình, đề cương bài giảng của các học phần; có tạp chí, chuyên khảo trong và ngoài nước đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập.

2. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

2.1. Nhu cầu đào tạo, nhu cầu sử dụng nhân lực phục vụ thị trường lao động đối với ngành TKĐH

Ngành TKĐH (Graphic Design) có vai trò rất quan trọng trong việc tạo ra các sản phẩm hình ảnh và trực quan đa dạng. Các sản phẩm này có thể từ nội dung

trực tuyến, quảng cáo, bao bì sản phẩm, đến cả nghệ thuật số, vì vậy đòi hỏi sự sáng tạo, óc thẩm mỹ, kỹ năng thiết kế chuyên nghiệp và khả năng sử dụng công nghệ.

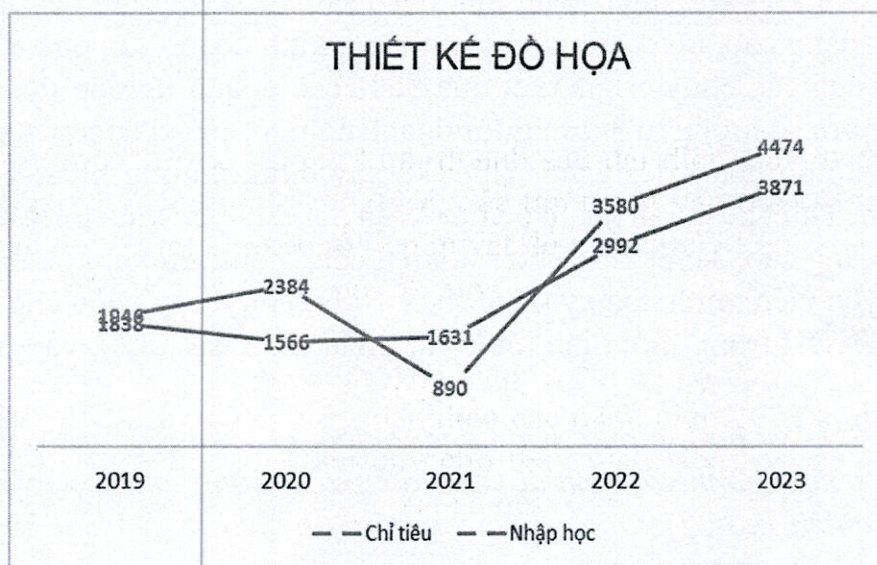
Sự bùng nổ của TKĐH, sự cạnh tranh khốc liệt giữa các thương hiệu dự báo TKĐH sẽ là ngành hot trong vài năm tới. Đặc biệt, khi mua hàng online trở thành thói quen của người tiêu dùng, giao diện web được xem là bộ mặt công ty thì dấu ấn của nghề TKĐH ngày càng rõ nét. Công việc của nhà TKĐH chuyên nghiệp không chỉ dừng lại ở việc tạo ra những sản phẩm theo ý tưởng đặt hàng mà còn phải có khả năng tư vấn. Điều này đòi hỏi người làm TKĐH phải biết nắm bắt xu hướng thị trường, có hiểu biết về văn hóa và thị hiếu nói chung.

Trên thế giới, ngành TKĐH đã trải qua nhiều thay đổi và ảnh hưởng lớn sau đại dịch Covid-19. Ngành TKĐH phát triển mạnh mẽ trong môi trường số với sự gia tăng về nhu cầu thiết kế trực tuyến và nội dung số. Công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo và công nghệ 3D đã được tích hợp vào quy trình TKĐH, tạo ra tiện ích và sáng tạo đáng kể. Nhìn chung, sau đại dịch, mặc dù có nhiều cơ hội với sự phát triển của công nghệ và sự chuyển đổi số, ngành TKĐH cũng đối mặt với thách thức từ sự cạnh tranh gay gắt và nhu cầu không ngừng thay đổi từ khách hàng. Do đó, ngành TKĐH phải thích nghi và điều chỉnh để đáp ứng nhu cầu mới từ thị trường, tập trung vào sự trải nghiệm của người dùng và sử dụng công nghệ để tạo ra sản phẩm sáng tạo và chất lượng.

Tại Việt Nam, ngành TKĐH cũng đang trải qua sự phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là cũng sau đại dịch với việc tăng cường chuyển đổi số của doanh nghiệp và tổ chức. Từ đó, việc làm tăng nhiều hơn khi các công ty và các dịch vụ ra đời. Theo báo cáo của Hiệp hội quảng cáo Việt Nam (VAA), bên cạnh hàng ngàn công ty chuyên về TKĐH, ngành quảng cáo sở hữu khoảng 50 công ty quốc tế và gần 3.000 công ty Việt Nam. Các nhà xuất bản, tòa soạn báo, đài truyền hình, nhà in, công ty tổ chức sự kiện hay bất cứ doanh nghiệp hoạt động trong mọi lĩnh vực đều có nhu cầu tuyển dụng các chuyên viên TKĐH. Mặt khác, các designer còn có thể tham gia tư vấn thiết kế, truyền thông, tổ chức sự kiện đến nhà xuất bản phim ảnh hay các dự án nghệ thuật độc lập. Nhu cầu từ thiết kế danh thiếp, logo công ty hay tờ rơi, tờ gấp quảng cáo cho thương hiệu đến những việc làm mới phát triển trong vài năm gần đây ngày càng lớn như: Thiết kế trò chơi, thiết kế Website, làm phim hoạt hình 2D, 3D, thiết kế truyền thông tương tác... Bên cạnh đó, các ngành truyền thống như thiết kế cũng được hưởng lợi từ các ứng dụng công nghệ kết nối toàn cầu.

Trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, Việt Nam cũng ý thức được tầm quan trọng này khi Việt Nam mở cửa hội nhập toàn cầu việc ra tăng công ty, tập đoàn, tổ chức kinh doanh dẫn đến việc cần thiết trong việc xây dựng hình ảnh thương hiệu và truyền thông thương hiệu. Lúc này thị trường thương mại chắc chắn sẽ có những cạnh tranh giữa các công ty thiết kế sáng tạo - Đây là lúc các nhà TKĐH cần khẳng định sự chuyên nghiệp ngành nghề. Nhu cầu về TKĐH trực tuyến, từ website, ứng dụng di động đến nội dung số, đã tăng lên đáng kể. Điều này cho thấy, mặc dù có nhiều cơ hội từ sự tăng trưởng của môi trường trực tuyến và chuyển đổi số, ngành TKĐH tại Việt Nam cũng đối mặt với

thách thức từ sự cạnh tranh mạnh mẽ và nhu cầu không ngừng biến đổi từ thị trường. Do đó, đào tạo ngành TKĐH tại Việt Nam phải thích nghi và thay đổi để đáp ứng nhu cầu mới từ môi trường kinh doanh sau đại dịch Covid-19. Sự tích hợp giữa sáng tạo và công nghệ, cùng với việc tập trung vào trải nghiệm người dùng và nhu cầu thị trường, là yếu tố tiên quyết để ngành này tiếp tục phát triển. Dựa trên nhu cầu của thị trường lao động, nhu cầu của người học cũng tăng lên trong thời gian gần đây. Theo thống kê của phòng Tuyển sinh và Truyền thông thuộc Trường cho thấy, số lượng sinh viên đăng ký nhập học ngành TKĐH của cả nước từ năm 2019 đến nay đã tăng dần theo các năm, năm 2023 khoảng 4474 SV đã nhập học (Biểu đồ 01). Điều này cho thấy việc Nhà trường mở ngành TKĐH là phù hợp với xu thế phát triển của xã hội.



Biểu đồ 01. Chỉ tiêu và số lượng sinh viên nhập học ngành TKĐH của cả nước từ năm 2019- 2023 [Tổng hợp từ Phòng TS&TT]

2.2. Dự báo nhu cầu nhân lực về số lượng, trình độ đối với ngành TKĐH

Theo thống kê của nhiều tổ chức việc làm trên thế giới, TKĐH đang là ngành có nhu cầu tuyển dụng cao và hứa hẹn phát triển trong tương lai. Cục Thống kê lao động Mỹ (BLS) cho biết, nhu cầu tuyển dụng của ngành này liên tục gia tăng trong những năm gần đây - trung bình đạt khoảng 20%/năm. Lao động trong ngành này đang có mức thu nhập khá cao (khoảng 54.680 USD/năm), hơn mức trung bình các ngành khác (khoảng 51.960 USD/năm). Tại Australia, cơ hội việc làm trong ngành TKĐH dự báo tăng 21,7% từ năm 2021 đến năm 2026; số lượng lao động làm việc trong ngành này có thể đạt hơn 78.000 vào cuối năm 2026. Mức thu nhập của những nhà TKĐH trung bình ở mức 70.330 USD/năm.

Ngành TKĐH đang phát triển mạnh mẽ với sự chuyển đổi số và nhu cầu ngày càng tăng về nhân lực có kỹ năng và sáng tạo. Nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về kỹ năng tư duy thiết kế (design thinking) chuyên nghiệp, bối cảnh đào tạo nhân lực trong ngành TKĐH và truyền thông tại Việt Nam đang phát triển

vô cùng mạnh mẽ. Ngày càng nhiều trường đại học và cao đẳng ở Việt Nam mở các CTĐT về TKĐH và Truyền thông, từ cấp chứng chỉ đến bậc đại học. Tuy vậy, dữ liệu từ Trung tâm Dự báo nhân lực và Thị trường lao động TP.HCM cho biết trong năm 2021, ngành TKĐH ở nước ta cần khoảng 1.000.000 nhân lực. Thế nhưng, các trường đại học và các trung tâm đào tạo chỉ đáp ứng được khoảng 40% nhu cầu nhân lực cho ngành nghề này. Hay tìm kiếm trên Google với từ khóa “việc làm TKĐH” thì hiển thị ngay lập tức khoảng 48.900.000 kết quả trong 0,69 giây có thể thấy nhu cầu nhân lực của thị trường này vô cùng lớn. Thậm chí cũng có rất nhiều công ty tuyển dụng nhân viên TKĐH mà không yêu cầu kinh nghiệm trong nghề. Cụ thể bằng việc thử tìm kiếm từ khóa “tuyển dụng TKĐH không cần kinh nghiệm”, chúng ta thấy có tới 8.580.000 kết quả sau chỉ 0,94 giây.

Tại khu vực miền Bắc, qua khảo sát các doanh nghiệp đang làm trong lĩnh vực quảng cáo, marketing, truyền thông, kinh doanh sản phẩm,... đồng thời lấy ý kiến của các chuyên gia, kết quả 98% các doanh nghiệp đều có nhu cầu tuyển dụng với số lượng từ 3-10 người/doanh nghiệp, các vị trí tuyển dụng: Chuyên viên thiết kế đồ họa - designer (Thiết kế xây dựng thương hiệu, Thiết kế bao bì sản phẩm, Thiết kế thành phẩm đồ họa in ấn...); Chuyên viên thiết kế quảng cáo (Thiết kế quảng cáo, Thiết kế đồ họa sự kiện công cộng, sự kiện quảng bá sản phẩm...); Chuyên viên minh họa kỹ thuật số... 100% chuyên gia đều cho rằng nhu cầu nhân lực TKĐH trong thời gian tới là rất thiếu cả về số lượng và nhân lực có trình độ cao.

2.3. Xu hướng phát triển ngành đào tạo trên thế giới và sự phù hợp với sự phát triển ngành và trình độ đào tạo của Trường, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu chiến lược Trường, chiến lược quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, vùng và cả nước.

Ngành TKĐH không ngừng chuyển động và phát triển. Theo BSBI (2023), các xu hướng nghề nghiệp có thể kể đến như:

Thiết kế đa nền tảng (Multi-platform design): với sự gia tăng của các thiết bị di động và các nền tảng trực tuyến, các nhà TKĐH ngày càng tập trung vào việc tạo ra trải nghiệm người dùng nhất quán trên nhiều thiết bị khác nhau.

Thiết kế tương tác (Interactive design): sự tương tác người dùng đã trở thành một phần không thể thiếu của TKĐH. Các thiết kế tương tác không chỉ tạo ra trải nghiệm thú vị mà còn tăng cường tương tác giữa người dùng và nội dung.

Sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI in design): trí tuệ nhân tạo được tích hợp vào ngành TKĐH để tối ưu hóa quy trình, tạo ra các mẫu thiết kế dựa trên dữ liệu và phân tích tự động.

Chăm sóc người dùng (User-Centric Design): các nhà thiết kế ngày càng chú trọng đến việc hiểu rõ nhu cầu và hành vi của người dùng để tạo ra sản phẩm đồ họa phù hợp và dễ sử dụng.

Đồ họa ba chiều (3D Graphics): sự phát triển của công nghệ đã mở ra cánh cửa cho việc tạo ra đồ họa ba chiều chân thực và sống động hơn.

Từ đó, lĩnh vực này cung cấp nhiều lựa chọn vai trò từ người thiết kế chuyên động đến đạo diễn video và thậm chí cả người thiết kế website và ứng dụng. Ví

dụ: Thiết kế UI/UX (UI/UX Designer), Họa sĩ Truyện tranh (Cartoonist), Nghệ sĩ hiệu ứng hình ảnh (VFX Artist), Nhiếp ảnh gia (Photographer), Quảng cáo (Advertiser), Nhà làm phim hoạt hình (Animator), Thiết kế hướng dẫn (Instructional Designer), Thiết kế Web (Web Designer), Thiết kế Truyền thông (IMC Designer), Thiết kế đồ họa - Minh họa (Graphic Artist).

Là một trường đào tạo nguồn nhân lực dật may lớn nhất cả nước hiện nay, nhận định rõ về xu hướng phát triển của ngành TKĐH trong tương lai, với sứ mệnh của trường là: Đào tạo nguồn nhân lực định hướng ứng dụng có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, chuyên nghiệp trong môi trường toàn cầu; có năng lực nghiên cứu, tổ chức sản xuất thử nghiệm và chuyển giao công nghệ phục vụ ngành công nghiệp, đặc biệt là lĩnh vực dật may.

Nhận thấy nhu cầu cần thiết trong việc mở rộng ngành nghề đào tạo nhằm đa dạng hóa các ngành nghề, tạo mối quan hệ với các đối tác, cung cấp nguồn nhân lực cao cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế- xã hội của đất nước. Vì những lý do trên, Nhà trường mở ngành TKĐH.

Trong chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045, Nhà trường đã đề cập đến mục tiêu cụ thể: đa dạng hoá các ngành nghề đào tạo, tạo điều kiện học tập suốt đời cho người học, góp phần đào tạo nguồn nhân lực cốt lõi cho ngành... Do đó, mở ngành TKĐH là hoàn toàn phù hợp với chiến lược phát triển của Trường.

3. Chương trình đào tạo ngành dự kiến mở

3.1. Tóm tắt quá trình xây dựng chương trình đào tạo

CTĐT ngành TKĐH trình độ đại học được xây dựng theo đúng quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Quá trình xây dựng CTĐT ngành TKĐH tuân thủ quy định mở ngành và xây dựng CTĐT hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của nhà trường, được thực hiện theo các bước:

- Nghiên cứu nhu cầu thị trường nguồn nhân lực TKĐH, từ đó đề xuất mở ngành TKĐH.
- Thiết kế cấu trúc CTĐT bao gồm các yêu cầu về khối lượng kiến thức giáo dục đại cương và khoa học cơ bản khối kiến thức về cơ sở và cốt lõi ngành, kiến thức thực tập và trải nghiệm, kiến thức về nghiên cứu khoa học;
- Tổ chức thẩm định CTĐT các cấp nhằm hoàn thiện chương trình và cập nhật các yêu cầu sự phát triển ngành TKĐH đáp ứng công nghệ 4.0.

Qua quá trình xây dựng CTĐT, khoa Thời trang mong muốn đưa ra một chương trình chất lượng cao, giúp sinh viên có thể tiếp cận được với những kiến thức và kỹ năng mới nhất của ngành TKĐH và đáp ứng được nhu cầu của thị trường hiện nay.

Đồng thời, song song với việc xây dựng chương trình, khoa cũng phối hợp với các đơn vị liên quan trong Trường chuẩn bị các điều kiện về đội ngũ cán bộ giảng viên chủ trì ngành và thực hiện CTĐT; chuẩn bị cơ sở vật chất đáp ứng các điều kiện tổ chức thực hiện chương trình.

3.2. Một số thông tin chính về chương trình đào tạo

3.2.1. Mục tiêu đào tạo

- Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân TKĐH, phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ; có trách nhiệm với xã hội, niềm say mê nghề nghiệp; nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội; bảo đảm quốc phòng an ninh và hội nhập quốc tế; nắm vững những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về thiết kế đồ họa, có năng lực sáng tạo, hiểu biết về công nghệ thông tin và đa phương tiện để tạo ra các sản phẩm TKĐH hiệu quả.

Đào tạo cử nhân TKĐH theo định hướng ứng dụng, có kiến thức cơ bản và chuyên môn sâu, có năng lực thực hành tốt; có khả năng phân tích, giải quyết vấn đề và đánh giá các giải pháp mỹ thuật, có năng lực xây dựng và quản trị doanh nghiệp thiết kế, có kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm, có thái độ nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu của ngành và xã hội; có khả năng thích nghi với sự biến động của nền kinh tế thị trường và hội nhập vào nền công nghệ tiên tiến trong khu vực và trên thế giới: có một trình độ vững chắc để có thể tiếp tục học tập và nghiên cứu ở bậc học cao hơn.

- Mục tiêu cụ thể

PO1. Vận dụng sáng tạo các thành quả của tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin, chính trị, pháp luật, khoa học xã hội, ngoại ngữ, nghệ thuật, văn hóa, kỹ thuật... vào lĩnh vực sáng tác, thiết kế để tạo ra các sản phẩm TKĐH, thời trang chất lượng và đáp ứng được nhu cầu của thị trường.

PO2. Thực hiện được các kỹ năng chuyên môn đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội về lĩnh vực TKĐH: nghiên cứu, khảo sát thị trường, quy trình triển khai và quản lý, giám sát dự án truyền thông quảng cáo và các dự án liên quan chuyên ngành đồ họa và thời trang; sử dụng các phần mềm chuyên ngành, ứng dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ vào công việc; có khả năng vẽ bằng tay, vẽ trang trí mỹ thuật; minh họa kỹ thuật số; thiết kế đồ họa ứng dụng với nhận thức đầy đủ về các tác động đến văn hóa - xã hội - kinh tế; có kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả; kỹ năng giao tiếp và thuyết trình thuyết phục.

PO3. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; có trách nhiệm với xã hội và cộng đồng; có tinh thần khởi nghiệp; có tư duy sáng tạo trong thiết kế, phát triển sản phẩm bền vững; nhận thức đúng đắn vai trò của nhà thiết kế trong việc tạo ra các sản phẩm đồ họa ứng dụng có giá trị thẩm mỹ, giá trị văn hóa, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế; tuân thủ các quy định, pháp luật về bản quyền; có ý thức phấn đấu nâng cao trình độ học tập, theo đuổi việc học suốt đời, làm việc hiệu quả trong bối cảnh công nghệ mới luôn thay đổi không ngừng theo sự phát triển của kinh tế - xã hội.

3.2.2. Chuẩn đầu ra (Program Learning Outcomes – PLO)

Mã chuẩn đầu ra	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
2.1. Kiến thức		
PLO1	Vận dụng hiệu quả các kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị, pháp luật,... làm nền tảng phục vụ cho việc phát triển kiến thức chuyên môn TKĐH;	3
PLO2	Vận dụng những kiến thức cơ sở ngành vào các lĩnh vực: xuất bản ấn phẩm, truyền thông, quảng cáo điện tử và in ấn;	3
PLO3	Vận dụng hiệu quả kiến thức chuyên ngành trong: hình thành ý tưởng thiết kế; lập kế hoạch thiết kế; triển khai thiết kế; quản lý và giám sát dự án TKĐH đáp ứng các yêu cầu thực tiễn;	3
PLO4	Vận dụng linh hoạt các kiến thức tiếng Anh, tin học trong TKĐH, và hoạt động nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu ngành nghề trong thực tế;	3
PLO5	Phân tích được quy trình thiết kế, nguyên lý thiết kế, kỹ thuật in ấn, chế bản trong thiết kế và sản xuất các sản phẩm đồ họa;	4
PLO6	Phân tích được thị trường, nhu cầu khách hàng, xu hướng thẩm mỹ, tìm kiếm và phát triển ý tưởng mới tạo ra giải pháp thiết kế phù hợp;	4
PLO7	Phân tích được dự án TKĐH để lựa chọn giải pháp tối ưu đạt hiệu quả theo các tiêu chí về mục tiêu, tiến độ, nhân sự, tài chính...	4
2.2. Kỹ năng		
PLO8	Ứng dụng linh hoạt những kiến thức về giáo dục đại cương, nghiên cứu khoa học, cơ sở thẩm mỹ vào lĩnh vực: xuất bản ấn phẩm, truyền thông, quảng cáo điện tử và in ấn;	3
PLO9	Sử dụng thành thạo các phần mềm thiết kế 2D, 3D, công nghệ thông tin, kỹ thuật số phục vụ công việc nghiên cứu, thiết kế, đáp ứng các yêu cầu của ngành TKĐH;	3
PLO10	Thiết kế được sản phẩm đồ họa đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, mỹ thuật và chất liệu thân thiện với môi trường theo nhu cầu thị trường;	3
PLO11	Xây dựng được ý tưởng và triển khai thiết kế: minh họa kỹ thuật số, thiết kế đồ họa - designer, thiết kế quảng cáo, truyền thông sản phẩm theo nhu cầu khách hàng và thị trường;	4
PLO12	Lập được kế hoạch, điều phối, quản lý, giám sát các dự án TKĐH ứng dụng đáp ứng yêu cầu ngành nghề trong thực tế;	4
PLO13	Xử lý được các dữ liệu trong quá trình nghiên cứu, thiết kế các sản phẩm đồ họa ứng dụng;	3
PLO14	Soạn thảo được các tài liệu kỹ thuật, tài liệu thiết kế, bài thuyết trình, báo cáo, thuyết minh đồ án trên máy vi tính. Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT- BTTTT ban hành 11/03/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;	3
PLO15	Đọc hiểu tài liệu bằng tiếng Anh của chuyên ngành TKĐH; giao tiếp với khách hàng để xử lý các tình huống thông thường; viết	3

Mã chuẩn đầu ra	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
	được các báo cáo, thư điện tử đơn giản liên quan đến chuyên môn. Đạt chuẩn đầu ra bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo do Trường ĐHCN Dệt May Hà Nội kiểm tra đánh giá.	
2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
PLO16	Tuân thủ các nguyên tắc đạo đức và luật lệ trong ngành TKĐH, bao gồm việc tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ, kỷ luật lao động và trách nhiệm xã hội, có tinh thần hợp tác, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong môi trường toàn cầu, thường xuyên thay đổi, chịu được áp lực cao trong công việc;	2
PLO17	Có khả năng: thuyết trình các vấn đề về chuyên môn được đào tạo; giao tiếp giữa các cá nhân hiệu quả bằng các phương tiện khác nhau (trực tiếp, văn bản, phương tiện điện tử, truyền thông); kiểm soát quỹ thời gian, xây dựng kế hoạch và tổ chức công việc hiệu quả; tổ chức, hướng dẫn, giám sát và tương tác trong hoạt động nhóm chuyên môn nghề nghiệp.	3

3.2.3. Đối tượng tuyển sinh

+ Tiêu chí tuyển sinh: căn cứ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đề án tuyển sinh của Trường.

+ Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT của các môn trong tổ hợp xét tuyển; Xét tuyển kết quả học tập theo học bạ THPT; Xét tuyển điểm bài thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội; Xét tuyển thẳng theo phương án riêng.

+ Vùng tuyển sinh: cả nước

+ Đối tượng tuyển sinh: đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên)

3.2.4. Thời gian đào tạo: 04 năm

3.2.5. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 146 tín chỉ (bao gồm 11 tín chỉ của 02 học phần: Giáo dục thể chất (3TC) và Giáo dục quốc phòng – An ninh (8TC))

3.2.6. Cấu trúc của chương trình

	Khối kiến thức	Số tín chỉ			Ghi chú
		Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	
1	Kiến thức giáo dục đại cương và khoa học cơ bản	32	32	0	Đã bao gồm 11 TC GDQP, GDTC
2	Kiến thức cơ sở và cốt lõi ngành	88	73	15	
	<i>Kiến thức cơ sở ngành</i>	35	35		
	<i>Kiến thức cốt lõi ngành</i>	53	38	15	
3	Thực tập và trải nghiệm	10	10	0	
4	Nghiên cứu khoa học	16	16	0	
	Tổng cộng	146	131	15	

3.2.7. Nội dung chương trình gồm các khối kiến thức

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ			Mã học phần tiên quyết/học trước
			TS	LT	TH/TN	
8.1		Kiến thức giáo dục đại cương và khoa học cơ bản Basic Subject Knowledge	32	28	4	
1	O.D.CT.0006.3	Triết học Mác – Lênin Marxist -Leninist philosophy	3	3	0	
2	O.D.CT.0007.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin Marxist -Leninist politics and economics	2	2	0	O.D.CT.0006.3
3	O.D.CT.0008.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific socialism	2	2	0	O.D.CT.0007.2
4	O.D.CT.0009.2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam The history of the Vietnamese communist party	2	2	0	O.D.CT.0002.2
5	O.D.CT.0002.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh's Ideology	2	2	0	O.D.CT.0006.3
6	O.D.CT.0004.2	Pháp luật Laws	2	2	0	
7	O.D.NN.0000.5	Tiếng Anh cơ bản General English	5	4	1	Tiếng Anh A1*
8	O.D.TH.0000.3	Tin học đại cương Introduction to informatics	3	2	1	
9	O.D.CT.0005.3	Giáo dục thể chất Physical Education	3	1	2	
10	O.D.QP.0000.8	Giáo dục quốc phòng - An ninh National Defense and Security Education	8	8	0	
8.2		Kiến thức cơ sở và cốt lõi ngành Basic professional knowledge and specialized knowledge	88	39	49	
8.2.1		Kiến thức cơ sở ngành Basic Professional knowledge	35	22	13	
11	O.D.DH.1300.2	Nhập môn thiết kế đồ họa Introduction to Graphic Design	2	2	0	
12	O.D.T1.1300.3	Lịch sử mỹ thuật ứng dụng History of applied fine arts	3	3	0	
13	O.D.T1.0523.2	Cơ sở văn hóa Việt Nam Vietnamese Culture	2	2	0	
14	O.D.DH.1301.2	Nghiên cứu thiên nhiên Research on the Nature	2	1	1	
15	O.D.T1.1301.3	Bố cục màu Color Arrangement	3	1	2	
16	O.D.T1.1302.4	Hình họa cơ bản Figures drawing	4	1	3	
17	O.D.T1.1303.3	Hình họa nâng cao	3	1	2	O.D.T1.1302.4

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ			Mã học phần tiên quyết/học trước
			TS	LT	TH/TN	
		Advanced figure drawing				
18	O.D.DH.1302.3	Nghệ thuật chữ Typography	3	1	2	
19	O.D.DH.1332.3	Marketing và thương hiệu Marketing and Branding	3	2	1	
20	O.D.CT.1300.2	Luật sở hữu trí tuệ Law on interlecture property	2	2	0	O.D.CT.0004.2
21	O.D.DH.1303.2	Nhiếp ảnh chuyên ngành Photography	2	1	1	
22	O.D.DH.1304.2	Nguyên lý thị giác Theory of Visuality	2	2	0	
23	O.D.DH.1333.2	Quản lý dự án thiết kế Design project management	2	2	0	
24	O.D.DH.1305.2	Tư duy thiết kế Design Thinking Mindset	2	1	1	O.D.DH.1301.2
8.2.2		Kiến thức cốt lõi ngành Core Specialized Knowledge	53	17	36	
8.2.2.1		<i>Kiến thức cốt lõi ngành (bắt buộc) Compulsory modules</i>	38	13	25	
25	O.D.DH.1306.3	Thiết kế đồ họa vector Vector graphic design	3	1	2	O.D.DH.1305.2 O.D.DH.1310.3
26	O.D.DH.1307.4	Xử lý ảnh Image Processing	4	1	3	O.D.DH.1303.2
27	O.D.DH.1308.3	Thiết kế 3D Max 3D Max Design	3	1	2	O.D.DH.1307.4 O.D.DH.1306.3
28	O.D.TH.1300.3	Thiết kế trải nghiệm người dùng User experiencing design	3	1	2	O.D.TH.0000.3 O.D.DH.1305.2
29	O.D.DH.1309.3	Thiết kế bao bì, nhãn mác Package and Label Design	3	1	2	O.D.DH.1301.2 O.D.DH.1310.3
30	O.D.DH.1310.3	Vật liệu và công nghệ in Materials and printing technology	3	1	2	
31	O.D.DH.1311.4	Thiết kế đồ họa truyền thông mạng xã hội Social Media Graphic Design	4	1	3	O.D.DH.1308.3 O.D.HD.1332.3
32	O.D.DH.1312.4	Đồ họa dàn trang Layout Design	4	1	3	O.D.DH.1302.3
33	O.D.DH.1313.3	Vẽ minh họa kỹ thuật số Digital Illustration	3	1	2	O.D.DH.1308.3
34	O.D.DH.1314.5	Thiết kế nhận diện thương hiệu Brand identity design	5	2	3	O.D.DH.1332.3
35	O.D.NN.1300.3	Tiếng Anh chuyên ngành thiết kế đồ họa English for graphic design	3	2	1	O.D.NN.0000.5 *
8.2.2.2		Kiến thức cốt lõi ngành (chọn 1 trong 2 nhóm)	15	4	11	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ			Mã học phần tiên quyết/học trước
			TS	LT	TH/ TN	
		Core Specialied Knowledge - optional (Choosing 1 of 2 subject groups)				
		<i>Nhóm chuyên sâu 1. Thiết kế đồ họa truyền thông Specialized group 1. Communication graphic design</i>	15	4	11	
36.1	O.D.TH.1301.3	Thiết kế giao diện web và ứng dụng Design of Webs and Applications	3	1	2	O.D.TH.0000.3
37.1	O.D.DH.1315.3	Thiết kế đồ họa sự kiện Graphic design for Events	3	1	2	O.D.DH.1332.3 O.D.DH.1314.5
38.1	O.D.DH.1316.3	Tổ chức sản xuất các ấn phẩm truyền thông Communication Publicity Production	3	1	2	O.D.DH.1314.5
39.1	O.D.DH.1317.3	Thiết kế in ấn quảng cáo Advertising Printing Design	3	1	2	O.D.DH.1332.3 O.D.DH.1310.3
40.1	O.D.DH.1318.3	Dự án thiết kế sản phẩm đồ họa truyền thông Project Design of Communication Graphic Products	3	0	3	O.D.DH.1333.2 O.D.DH.1327.2
		<i>Nhóm chuyên sâu 2. Thiết kế đồ họa kỹ thuật số Specialized group 2. Digital graphic design</i>	15	4	11	
36.2	O.D.DH.1319.3	Thiết kế đồ họa chuyển động 2D 2D Motion Graphic Design	3	1	2	O.D.DH.1313.3 O.D.DH.1304.2
37.2	O.D.DH.1320.3	Thiết kế quảng cáo 3D 3D advertising design	3	1	2	O.D.DH.1308.3 O.D.DH.1311.4
38.2	O.D.DH.1321.3	Thiết kế hình ảnh, âm thanh số Design of Digital Videos and Audios	3	1	2	O.D.DH.1308.3
39.2	O.D.DH.1322.3	Dựng phim quảng cáo Advertising filming	3	1	2	O.D.DH.1311.4
40.2	O.D.DH.1323.3	Dự án thiết kế đồ họa kỹ thuật số Project Design of Digital Graphics	3	0	3	O.D.DH.1333.2 O.D.DH.1328.2
8.3		Thực tập và trải nghiệm Practice and experience	10	0	10	
41	O.D.DH.1324.2	Thực tập nhiếp ảnh Photography Practice	2	0	2	O.D.DH.1303.2
42	O.D.DH.1325.2	Trải nghiệm thực tế tại các làng nghề truyền thống	2	0	2	O.D.DH.1314.5

TT	Tên học phần	Tín chỉ	Học kỳ								Khoa giảng dạy		
			1	2	3	4	5	6	7	8			
			146	20	23	20	16	20	17	17		13	
9	Giáo dục thể chất	3					3						KHCB
10	Giáo dục quốc phòng - An ninh	8		8									KHCB
11	Nhập môn thiết kế đồ họa	2	2										Khoa TT
12	Lịch sử mỹ thuật ứng dụng	3		3									Khoa TT
13	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2										Khoa TT
14	Nghiên cứu thiên nhiên	2	2										Khoa TT
15	Bố cục màu	3		3									Khoa TT
16	Hình họa cơ bản	4	4										Khoa TT
17	Hình họa nâng cao	3			3								Khoa TT
18	Nghệ thuật chữ	3			3								Khoa TT
19	Marketing và thương hiệu	3				3							Khoa TT
20	Luật sở hữu trí tuệ	2					2						KHCB
21	Nhiếp ảnh chuyên ngành	2		2									Khoa TT
22	Nguyên lý thị giác	2	2										Khoa TT
23	Quản lý dự án thiết kế	2					2						Khoa TT
24	Tư duy thiết kế	2		2									Khoa TT
25	Thiết kế đồ họa vector	3			3								Khoa TT
26	Xử lý ảnh	4			4								Khoa TT
27	Thiết kế 3D Max	3				3							Khoa TT
28	Thiết kế trải nghiệm người dùng	3					3						THNN
29	Thiết kế bao bì, nhãn mác	3				3							Khoa TT
30	Vật liệu và công nghệ in	3		3									Khoa TT
31	Thiết kế đồ họa truyền thông mạng xã hội	4							4				Khoa TT
32	Đồ họa dàn trang	4						4					Khoa TT
33	Vẽ minh họa kỹ thuật số	3							3				Khoa TT
34	Thiết kế nhận diện thương hiệu	5						5					Khoa TT
35	Tiếng Anh chuyên ngành thiết kế đồ họa	3							3				THNN
36.1	Thiết kế giao diện web và ứng dụng	3							3				THNN
37.1	Thiết kế đồ họa sự kiện	3								3			Khoa TT
38.1	Tổ chức sản xuất các ấn phẩm truyền thông	3								3			Khoa TT
39.1	Thiết kế in ấn quảng cáo	3								3			Khoa TT
40.1	Dự án thiết kế sản phẩm đồ họa truyền thông	3									3		Khoa TT
36.2	Thiết kế đồ họa chuyển động 2D	3							3				Khoa TT
37.2	Thiết kế quảng cáo 3D	3								3			Khoa TT
38.2	Thiết kế hình ảnh, âm thanh số	3								3			Khoa TT
39.2	Dựng phim quảng cáo	3								3			Khoa TT

TT	Tên học phần	Tín chỉ	Học kỳ								Khoa giảng dạy	
			1	2	3	4	5	6	7	8		
			146	20	23	20	16	20	17	17		13
40.2	Dự án thiết kế đồ họa kỹ thuật số	3									3	Khoa TT
41	Thực tập nhiếp ảnh	2				2						Khoa TT
42	Trải nghiệm thực tế tại các làng nghề truyền thống	2						2				Khoa TT
43	Thực tập tốt nghiệp	6								6		Khoa TT
44	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2					2					Khoa TT
45	Đồ án thiết kế minh họa	2						2				Khoa TT
46	Đồ án dựng phim kỹ thuật số	2								2		Khoa TT
47	Khóa luận tốt nghiệp	10									10	Khoa TT
48	Đồ án tốt nghiệp	10									10	Khoa TT

Kèm theo đề án là CTĐT đã được ban hành.

4. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học phục vụ ngành đào tạo

- Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên luôn được Trường quan tâm ưu tiên hàng đầu, Nhà trường rất chú trọng tới việc bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ giảng viên, với đội ngũ bảo đảm về chất lượng để tổ chức thực hiện CTĐT TKĐH, cụ thể có 51 giảng viên (trong đó 43 giảng viên cơ hữu và 08 giảng viên thỉnh giảng) chi tiết như sau:

- Đội ngũ giảng viên cơ hữu với tổng số 43 giảng viên tham gia giảng dạy chuyên ngành TKĐH, trong đó có 05 giảng viên có trình độ tiến sĩ (bao gồm cả giảng viên chủ trì xây dựng CTĐT) đáp ứng đúng chuyên môn và đủ số lượng để chủ trì giảng dạy các thành phần của CTĐT và 35 giảng viên có trình độ thạc sĩ, 03 giảng viên có trình độ đại học (đang học thạc sĩ). Đội ngũ giảng viên cơ hữu có trình độ chuyên môn đảm bảo đủ điều kiện theo quy định về mở ngành đào tạo và giảng dạy theo quy định. Chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu giảng dạy chương trình TKĐH được thể hiện tại biểu 1 của phụ lục đề án.

- Đội ngũ giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần trong CTĐT của ngành TKĐH có 02 giảng viên có trình độ tiến sĩ, 06 giảng viên có trình độ thạc sĩ thực hiện CTĐT. Giảng viên thỉnh giảng được bố trí giảng dạy ở khối kiến thức cơ sở và cốt lõi ngành (chủ yếu giảng dạy ở nhóm chuyên ngành 2. Thiết kế đồ họa kỹ thuật số) 15 tín chỉ trong tổng số 54 tín chỉ của khối kiến thức cốt lõi ngành chiếm 28%.

5. Cơ sở vật chất phục vụ ngành đào tạo

- *Đánh giá tổng quan về cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu theo yêu cầu của CTĐT, phù hợp với quy mô đào tạo của ngành TKĐH, đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất theo quy định của chuẩn CTĐT của lĩnh vực, nhóm ngành, ngành đào tạo.*

+ Cơ sở vật chất: Trường có 1 phòng học lớn trên 200 chỗ; 1 phòng học từ 100 - 200 chỗ; 4 phòng học từ 50 - 100 chỗ; 4 phòng học dưới 50 chỗ; 01 phòng học đa phương tiện; 09 phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn

thời gian; 01 trung tâm thông tin thư viện; 03 phòng thực hành, thí nghiệm và các thiết bị đi kèm phục vụ cho nhu cầu đào tạo của ngành TKĐH.

+ Thiết bị: tất cả các phòng học và Hội trường đều có bàn ghế, bảng viết, máy chiếu hoặc tivi cỡ lớn có kết nối âm thanh từ máy tính cá nhân để phục vụ cho việc tổ chức sự kiện hoặc giảng dạy các học phần; phòng học thực hành có sẵn máy tính, kết nối internet và cài đặt phần mềm theo yêu cầu của từng học phần.

+ Thư viện có 01 phòng đọc với diện tích 775m², 111 máy tính tại thư viện điện tử kết nối với 87 đơn vị ngoài trường, phục vụ cho khoảng 32.000 lượt tra cứu bình quân hàng tháng; có các trang thiết bị phục vụ cho việc mượn và tra cứu tài liệu; có đủ nguồn thông tin tư liệu: sách, giáo trình, đề cương bài giảng của các học phần; có tạp chí, chuyên khảo trong và ngoài nước đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập của các học phần trong CTĐT ngành TKĐH. Hiện tại, Trường đã có hệ thống tài khoản bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu trong nước, quốc tế về sách, tạp chí khoa học ngành TKĐH tại trang web: <https://www.pdfdrive.com>

+ Giáo trình: tất cả các học phần trong CTĐT đều có giáo trình hoặc tài liệu nội bộ phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu và giảng dạy của giảng viên, sinh viên ngành TKĐH.

Cơ sở vật chất của Trường hiện tại đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu theo yêu cầu của CTĐT, phù hợp với quy mô đào tạo của ngành TKĐH trong 3 năm tới khoảng trên 200 SV (Năm 2024: 40, 2025: 90, 2026: 90) đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất theo quy định.

- Đánh giá tổng quan về hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, cơ sở sản xuất thử nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo cùng các thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, NCKH theo yêu cầu của CTĐT, phù hợp với quy mô đào tạo ở từng trình độ đào tạo.

+ Phòng học: phòng học trên 200 chỗ ngồi với diện tích sàn 500m² có thể đáp ứng cho việc tổ chức hoạt động giảng dạy tập trung các học phần đại cương; 01 phòng học từ 100-200 chỗ, 04 phòng học 50-100 chỗ và 04 phòng học dưới 50 chỗ đủ để bố trí giảng dạy các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành; 01 phòng học đa phương tiện, có kết nối internet phục vụ cho các học phần tiếng Anh, tin học hoặc các học phần chuyên môn ngành TKĐH.

+ Phòng thực hành, thí nghiệm: có 03 phòng với diện tích 225m², phòng thực hành máy tính có đầy đủ máy tính cài đặt sẵn phần mềm phục vụ giảng dạy, nghiên cứu của các học phần liên quan.

+ Hệ thống công nghệ thông tin: ngoài hệ thống mạng dây còn có mạng wifi phủ kín khu vực giảng đường, các phòng thực hành và khu ký túc xá của sinh viên; Trường có website riêng và 1 phòng máy chủ phục vụ việc cài đặt, sử dụng các phần mềm trực tuyến phục vụ công tác quản lý và giảng dạy.

+ Hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo: Trường đã triển khai hệ thống quản trị trên nền tảng số nhằm quản lý hỗ trợ hoạt động quản lý đào tạo, hỗ trợ học tập cho sinh viên với nhiều tiện ích thiết thực.

Hệ thống phòng học, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo cùng các thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học theo yêu cầu của CTĐT ngành TKĐH, phù hợp với quy mô đào tạo.

- *Kế hoạch sử dụng phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành với diện tích và các thiết bị cụ thể của từng phòng thí nghiệm, thực hành phù hợp với số lượng sinh viên thực hành, thí nghiệm tại mỗi bàn và mỗi thiết bị trong mỗi phòng thí nghiệm, phòng thực hành, phù hợp với quy mô đào tạo theo yêu cầu của CTĐT cho từng năm học của khóa học.*

Với hệ thống phòng học lý thuyết, thực hành lớn nên Trường bố trí đủ phòng thực hành, giảng đường lý thuyết theo số lượng sinh viên ngành TKĐH cho tất cả các học kỳ, theo yêu cầu của CTĐT từng năm học, của từng khóa học. Các học phần đại cương được bố trí tại hội trường trên 200 chỗ với diện tích sàn 500m², 8 phòng học lý thuyết có sức chứa 50-100 chỗ.

Riêng phòng thực hành có cài đặt các phần mềm trực tuyến phục vụ cho việc giảng dạy ngành TKĐH được bố trí đủ 30 máy trạm cho sinh viên và 1 máy tính dành cho giảng viên có thể điều khiển và kiểm soát máy trạm bằng phần mềm chuyên dụng.

- *Đánh giá khả năng đáp ứng các yêu cầu, điều kiện tối thiểu theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo để sẵn sàng chuyển sang dạy học trực tuyến bảo đảm chất lượng đào tạo theo quy định.*

Trường được cấp gói A1 hoàn toàn miễn phí từ nhà cung cấp Microsoft, từ đó đã tạo tài khoản và cấp cho tất cả giảng viên, sinh viên Trường có thể sử dụng và khai thác ứng dụng giảng dạy trực tuyến bằng phần mềm MS Teams. Với tốc độ đường truyền internet 300MBs, số lượng thiết bị sử dụng, Trường có thể chuyển sang dạy học trực tuyến 30% tổng khối lượng của CTĐT.

- *Tổng hợp số lượng (kèm danh sách) các đối tác đã ký hợp đồng hợp tác đào tạo thực hành, thực tập với các cơ sở thực hành, thực tập bên ngoài Trường phù hợp với kế hoạch giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học cho toàn khóa học.*

Trường đã ký thỏa thuận hợp tác với các đối tác bên ngoài trong việc phối hợp các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; thực hành, thực tập, tư vấn và giới thiệu việc làm cho sinh viên ngành TKĐH; đây là các doanh nghiệp thực hiện việc giao dịch điện tử một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh. Thời gian thực hiện theo kế hoạch giảng dạy, học tập và nghiên cứu của từng khóa học trên cơ sở trao đổi giữa 2 bên trong từng thời điểm cụ thể.

TT	Đơn vị	Tỉnh/TP	Số thỏa thuận	Thời hạn
1	Tổng công ty cổ phần Dệt May Hòa Thọ	Đà Nẵng	Số 782/2023/TTHT ngày 17/5/2023	2 năm
2	Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG	Thái Nguyên	Số 1523/2015/TTHT ngày 23/10/2015	Lâu dài
3	Tổng Công ty may Hưng Yên - CTCP	Hưng Yên	Số 332/2018/TTHT ngày 02/4/2018	Lâu dài

TT	Đơn vị	Tỉnh/TP	Số thỏa thuận	Thời hạn
4	Tổng công ty Đức Giang – CTCP	Hà Nội	Số 337/2018/TTHT ngày 02/4/2018	Lâu dài
5	Tổng Công ty cổ phần dệt may Hà Nội	Hà Nội	Số 398A/2018/TTHT ngày 24/4/2018	Lâu dài
6	Công ty TNHH Regina Miracle International Việt Nam	Hải Phòng	12/2018 ngày 18/12/2018	Lâu dài
7	CTCP - Tổng Công ty may Bắc Giang LGG	Bắc Giang	Số 467/2019/TTHT ngày 19/4/2019	Lâu dài
8	Công ty TNHH Youngone Bắc Giang	Bắc Giang	Số 468A/2019/TTHT ngày 19/4/2019	Lâu dài
9	Công ty TNHH P.I.T VINA	Hải Phòng	Số 468/2019/TTHT ngày 19/4/2019	Lâu dài
10	Công ty TNHH May Đại hương	Hung Yên	Số ĐH-0501/2023/TTHT ngày 15/5/2023	2 năm

- Đường link trang thông tin điện tử đăng tải đầy đủ thông tin yêu cầu phải công khai theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định khác có liên quan của pháp luật: <http://hict.edu.vn/bao-cao-3-cong-khai.htm>

6. Đơn vị quản lý ngành đào tạo

- Đơn vị quản lý ngành đào tạo TKĐH: Khoa Thời trang
- Cán bộ quản lý và tổ chức các hoạt động chuyên môn được thể hiện chi tiết ở biểu 3 của phụ lục đề án.

7. Phương án xử lý rủi ro đối với ngành đào tạo

Trên cơ sở đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của Trường về đào tạo ngành TKĐH và phân tích tình hình kinh tế - xã hội giai đoạn kinh tế phục hồi sau khủng hoảng và dịch bệnh, nhu cầu về nhân lực ngành TKĐH, bên cạnh cơ hội tốt đem lại, nhận thấy một số rủi ro có thể gặp phải:

+ Tuyển sinh khó khăn: do là ngành mới mở, gia đình và bản thân thí sinh chưa biết đến Trường nên sẽ không lựa chọn.

Phương án phòng ngừa rủi ro:

+ Đẩy mạnh công tác truyền thông về ngành TKĐH trên nhiều phương tiện kết hợp: website, facebook, giới thiệu về ngành TKĐH khi tiếp xúc trực tiếp với thí sinh ở các trường THPT hoặc qua tọa đàm online.

+ Đẩy mạnh việc ký kết với các đối tác là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực TKĐH để tăng cường tính thực tiễn và sự trải nghiệm của sinh viên với nghề nghiệp trước khi ra trường để tiếp cận tốt hơn với doanh nghiệp sau này.

Các giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp Trường bị đình chỉ hoạt động ngành TKĐH:

+ Đối với người học: hiện Trường đang đào tạo ngành Thiết kế thời trang cùng trong nhóm ngành Mỹ thuật ứng dụng, sinh viên ngành TKĐH có thể được

phép chuyển sang ngành Thiết kế thời trang theo nguyện vọng (nếu đáp ứng điều kiện tuyển sinh); các học phần đã học có số tín chỉ tương đương sẽ được công nhận kết quả, chuyển đổi số tín chỉ theo quy định của Trường.

+ Đối với giảng viên: khối ngành Mỹ thuật ứng dụng Trường hiện đang đào tạo ngành Thiết kế thời trang; trong từng CTĐT đều có một số học phần liên quan đến lĩnh vực nghệ thuật và công nghệ thông tin do đó giảng viên vẫn có thể được bố trí giảng dạy đúng chuyên môn, chuyên môn gần hoặc tạo điều kiện chuyển đổi sang giảng dạy học phần có liên quan. Mặt khác, là trường tự chủ và có trung tâm Sản xuất dịch vụ chuyên đào tạo thực hành, thực tập và gia công sản phẩm may mặc cho nước ngoài với quy mô gần 500 lao động nên giảng viên có thể được tạo điều kiện bố trí công việc phù hợp chuyên môn tại đây.

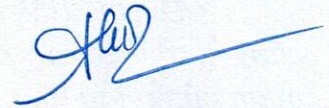
Trên đây là đề án đăng ký mở ngành đào tạo TKĐH trình độ đại học của khoa Thời trang. Kính đề nghị hội đồng khoa học và đào tạo, ban giám hiệu xem xét.

Nơi nhận:

- BGH;
- HĐ KH&ĐT;
- Lưu: VT, TT.

TRƯỜNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Thanh Huệ